TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY XUYÊN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:34/2022/HS-ST
Ngày 16/8/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYÊN - TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Quân;

2. Bà Phạm Thị Cang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HS ngày 02/8/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc T,** sinh năm 1985, tại huyện D, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc B và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 07/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xử phạt 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (*đến ngày 21/6/2019 chấp hành xong hình phạt tù*); tiền sự, nhân thân: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2022 cho đến ngày 28/01/2022 thì được áp dụng biện pháp bảo lĩnh; bị cáo hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Huỳnh Bá T, sinh năm 1998 (có mặt)

Trú tại: Khối phố X, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

2. Anh Văn Bá V, sinh năm 2001(vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954 (vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1953 (có mặt)

Cùng trú tại: Khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

5. Chị Phạm Thị Kim N, sinh năm 2001(có mặt)

Trú tại: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 5 năm 2021 đến ngày 04/01/2022, nhận thấy việc cho vay lãi nặng sinh lời cao nên bị cáo Nguyễn Ngọc T đã nảy sinh ý định cho vay tiền với lãi suất cao để kiếm tiền tiêu xài nên đã chuẩn bị số tiền 90.000.000 đồng để cho nhiều người vay với lãi suất dao động từ 10%/ tháng đến 20%/tháng (*tương đương 120%/năm đến 240%/năm*), gấp 06 đến 12 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự. Với cách thức, khi muốn vay tiền, người vay trực tiếp đến gặp bị cáo T rồi bị cáo T và người vay thỏa thuận số tiền, mức lãi suất, thời hạn trả lãi và kỳ hạn vay; việc trả lãi suất kết thúc khi người vay trả hết tiền gốc, hình thức cho vay là giao tiền mặt và người vay sẽ đưa tiền mặt cho T hoặc chuyển khoản. Khi đến hạn trả lãi, bị cáo T sẽ dùng điện thoại di động hiệu Iphone SX max của bà Phạm Thị Kim N *(là người yêu của T*) nhắn tin nhắc nhở, người vay sẽ mang tiền mặt đến trả trực tiếp hoặc chuyển tiền qua số tài khoản Ngân hàng Vietcombank 0651000888953 mang tên Nguyễn Ngọc T để trả. Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 5 năm 2021 đến ngày 04/01/2022, bị cáo Nguyễn Ngọc T đã cho 05 người vay tiền với lãi suất vượt quá 20%/năm, người vay ít nhất 10.000.000 đồng, người vay nhiều nhất 95.000.000 đồng.

Trong khoảng thời gian trên, bị cáo Nguyễn Ngọc T đã có hành vi cho ông Huỳnh Bá T và ông Văn Bá V vay với tổng số tiền 125.000.000 đồng, mức lãi suất từ 10%/ tháng đến 20%/tháng tương đương 120%/năm đến 240%/năm, gấp 6 lần đến 12 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (không vượt quá 20%/năm), tổng số tiền lãi T đã thu của người vay là 58.500.000 đồng, tiền lãi thu đúng quy định là 7.584.750 đồng, thu lợi bất chính 50.915.250 đồng. Cụ thể như sau:

Từ ngày 15/6/2021 đến tháng 10/2021, bị cáo Nguyễn Ngọc T cho Huỳnh Bá T vay tổng số tiền là 95.000.000 đồng, trong đó:

- Lần thứ 1: Ngày 15/6/2021, bị cáo T cho ông Huỳnh Bá T vay số tiền 5.000.000 đồng, với lãi suất tháng 6/2021 là 20%/tháng (tương đương 240%/năm) và lãi suất tháng 7, 8, 9 và 10/2021 là 15%/ tháng (tương đương 180%/năm), tính từ tháng 6/2021 đến tháng 10/2021, tổng số tiền lãi bị cáo T đã nhận của T là 4.000.000 đồng. Bị cáo T cho T vay với mức lãi suất gấp 9 đến 12 lần của mức lãi suất cao nhất

được quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 3.583.250 đồng *(ba triệu năm trăm tám mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng)*.

- Lần thứ 2: Ngày 28/6/2021, bị cáo T cho T vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất là 10%/ tháng (tương đương 120%/năm), tính từ tháng 6/2021 đến tháng 10/2021, tổng số tiền lãi bị cáo T đã nhận của T là 10.000.000 đồng. Bị cáo T cho T vay với mức lãi suất gấp 6 lần của mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 8.333.000 đồng *(tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng)*.

- Lần thứ 3: Ngày 30/6/2021, bị cáo T cho T vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất là 10%/ tháng (tương đương 120%/năm), tính từ tháng 6/2021 đến tháng 10/2021, tổng số tiền lãi bị cáo T đã nhận của T là 10.000.000 đồng. Bị cáo T cho T vay với mức lãi suất gấp 6 lần của mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 8.333.000 đồng *(tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng)*.

- Lần thứ 4: Ngày 03/7/2021, bị cáo T cho T vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất là 15%/ tháng (tương đương 180%/năm), tính từ tháng 7/2021 đến tháng 10/2021, tổng số tiền lãi bị cáo T đã nhận của T là 12.000.000 đồng. Bị cáo T cho T vay với mức lãi suất gấp 9 lần của mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 10.666.400 đồng *(mười triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng)*.

- Lần thứ 5: Ngày 08/7/2021, bị cáo T cho T vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất là 15%/ tháng (tương đương 180%/năm), tính từ tháng 7/2021 đến tháng 10/2021, tổng số tiền lãi bị cáo T đã nhận của T là 6.000.000 đồng. Bị cáo T cho T vay với mức lãi suất gấp 9 lần của mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 5.333.200 đồng *(năm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn hai trăm đồng)*.

- Lần thứ 6: Ngày 10/7/2021, bị cáo T cho T vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất là 15%/ tháng (tương đương 180%/năm), tính từ tháng 7/2021 đến tháng 10/2021, tổng số tiền lãi bị cáo T đã nhận của T là 12.000.000 đồng. Bị cáo T cho T vay với mức lãi suất gấp 9 lần của mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 10.666.400 đồng *(mười triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng)*.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Ngọc T cho T vay với tổng số tiền là 95.000.000 đồng, mức lãi suất từ 10%/tháng - 20%/ tháng, tương đương với 120%/năm - 240%/năm, gấp 06 lần 12 lần của mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự (không quá 20%/năm), thu lợi bất chính số tiền 46.915.250 đồng *(bốn mươi sáu triệu chín trăm mười lăm nghìn hai trăm năm mươi đồng)*. Ông T còn nợ bị cáo T 95.000.000 đồng tiền vay ban đầu.

Vào giữa tháng 5/2021, bị cáo Nguyễn Ngọc T cho Văn Bá V vay số tiền 30.000.000 đồng, với lãi suất 15%/tháng (tương đương 180%/năm), thời hạn vay 01 tháng, T đã nhận tiền lãi của V số tiền 4.500.000 đồng, T cho V vay với mức lãi suất gấp 9 lần của mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự (không quá 20%/năm), thu lợi bất chính số tiền 4.000.000 đồng *(bốn triệu đồng)*. Văn Bá V đã trả xong tiền vay ban đầu 30.000.000 đồng cho T.

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKSDX-HS ngày 09/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; đề nghị: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam là 24 ngày (24 x 3=72 ngày), buộc bị cáo T phải chấp hành thời gian còn lại; phạt bổ sung số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 5 của Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Ngọc T số tiền dùng để cho Văn Bá V vay là 30.000.000 đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo T đã thu của Huỳnh Bá T là 7.584.750 đồng, thu của Văn Bá V là 500.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước;

- Truy thu của Huỳnh Bá T số tiền mà bị cáo Nguyễn Ngọc T dùng để cho vay nhưng Huỳnh Bá T chưa trả tiền vay cho bị cáo T là 95.000.000 đồng;

- Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T trả lại số tiền thu lợi bất chính cho Huỳnh Bá T và Văn Bá V mà bị cáo thực tế đã thu của Huỳnh Bá T là 46.915.250 đồng và của Văn Bá V là 4.000.000 đồng;

- Trả lại cho chị Phạm Thị Kim N 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax;

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0981011195 của bị cáo Nguyễn Ngọc T.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, không có tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng:** Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] **Về nội dung**:

[2.1] Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập hợp pháp thấy phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 5/2021 đến ngày 04/01/2022, Nguyễn Ngọc T đã nhiều lần cho Huỳnh Bá T và Văn Bá V vay tiền với mức lãi suất gấp từ 06 lần đến 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nhằm thu lợi bất chính. Trong đó, cho Huỳnh Bá T vay 06 lần, tổng số tiền vay là 95.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 10% đến 20%/tháng, thu lợi bất chính số tiền là 46.915.250 đồng; cho Văn Bá V vay 01 lần, số tiền vay là 30.000.000 đồng, với mức lãi suất 15%/tháng, thu lợi bất chính số tiền là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính qua cho vay nặng lãi là 50.915.250 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng số 29/CT-VKSDX-HS ngày 09/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về hoạt động tín dụng, gây thiệt hại cho lợi ích của người đi vay. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích thu lợi bất chính từ người đi vay thông qua thỏa thuận lãi suất cho vay cao. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và bị áp dụng hình phạt theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[2.3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Bị cáo đã bị xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", chưa xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; gia đình bị cáo có công cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. HĐXX xem xét áp dụng các tình tiết này để giảm nhẹ khi quyết định hình phạt.

Căn cứ vào mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích trên, xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính một cách nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo bị cáo; đồng thời có tác dụng đấu tranh phòng ngừa loại tội phạm này.

[2.4] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền bị cáo dùng để cho vay là 125.000.000 đồng bị tịch thu sung quỹ nhà nước. Trong đó, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T nộp số tiền cho Văn Bá V vay là 30.000.000 đồng; buộc Huỳnh Bá T nộp số tiền bị cáo Nguyễn Ngọc T cho vay nhưng chưa trả là 95.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước;

- Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo Nguyễn Ngọc T đã thu của Huỳnh Bá T là 7.584.750 đồng và thu của Văn Bá V là 500.000 đồng, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T nộp vào ngân sách nhà nước;

- Đối với số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Nguyễn Ngọc T đã thu của Huỳnh Bá T là 46.915.250 đồng và của Văn Bá V là 4.000.000 đồng, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T trả lại số tiền thu lợi bất chính này cho Huỳnh Bá T và Văn Bá V.

- Đối với 01 điện thoại di dộng hiệu Iphone Xsmax bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Theo lời khai của bị cáo Nguyễn Ngọc T và chị Phạm Thị Kim N thì điện thoại là tài sản của chị N, chị N cho bị cáo mượn để sử dụng. Qua điều tra và chứng cứ do chị N cung cấp xác định điện thoại là tài sản của chị N, chị N không biết bị cáo sử dụng điện thoại để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, trả lại cho chị Phạm Thị Kim N 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax là phù hợp;

- Đối với 01 sim điện thoại số 0981011195 của bị cáo Nguyễn Ngọc T, bị sử dụng sim điện thoại để liên lạc trong quá trình cho vay và thu lãi vay, nên tịch thu tiêu hủy.

[2.5] Những vấn đề liên quan trong vụ án:

- Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 5/2021 đến ngày 04/01/2022, bị cáo Nguyễn Ngọc T đã cho 06 người vay tiền gồm: Võ Hoàng H *(sinh năm 2001; trú Khối phố C, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam)*, Lê Tuấn A *(sinh năm 1994; trú Khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam)*, Trần V *(sinh năm 1995; trú Khối phố X, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam)*, Nguyễn Thị T *(sinh năm 1983; trú thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam)*, Nguyễn Ngọc T *(sinh năm 1981; trú thôn A, xã*

D, huyện D, tỉnh Quảng Nam) và Nguyễn Thị *(sinh năm 1981; trú thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam)* nhưng không thuộc trường hợp cho vay lãi nặng;

- Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Ngọc T khai, trong khoảng thời gian từ giữa tháng 5/2021 đến ngày 04/01/2022, bị cáo cho 03 người tên P, V, H vay tiền với mức lãi suất cao nhưng bị cáo không biết họ tên và địa chỉ cụ thể của những người này; qua xác minh không xác định được lai lịch nên không thể làm việc được. Khi nào làm rõ sẽ xử lý sau;

- Đối với chị Phạm Thị Kim N là người đã cho Nguyễn Ngọc T mượn điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax, chị N không biết bị cáo sử dụng điện thoại làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét trách nhiệm pháp lý đối với chị Phạm Thị Kim N;

- Đối với lời khai của bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Ngọc B và bị cáo đều cho rằng số tiền 90.000.000 đồng bị cáo sử dụng vào việc cho vay lãi nặng là tài sản của ông B và bà T, bị cáo mượn của bà T để cho vay. Bà T, ông B có yêu cầu trả lại số tiền này cho ông B, bà T. Xét thấy, giao dịch của bà T và bị cáo là giao dịch dân sự vay tiền; bà T đã giao tiền cho bị cáo thì số tiền vay thuộc quyền sở hữu của bị cáo, bị cáo sử dụng số tiền vay để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên phải bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Đối với giao dịch cho vay của bà T và bị cáo trường hợp có tranh chấp thì được giải quyết bằng vụ án dân sự khi có đương sự yêu cầu. Đồng thời khi cho bị cáo vay tiền, bà T không biết bị cáo sử dụng tiền vay làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét trách nhiệm pháp lý đối với bà T.

[3] **Về án phí:** Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T số tiền **100.000.000**đ (một trăm triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng vụ án và các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Ngọc T số tiền cho Văn Bá V vay là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước;

- Truy thu của Huỳnh Bá T số tiền đã vay của bị cáo Nguyễn Ngọc T nhưng chưa trả là 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước;

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Ngọc T số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của Huỳnh Bá T là 7.584.750đ (bảy triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi đồng) và thu của Văn Bá V là 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước;

- Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T trả lại số tiền thu lợi bất chính cho Huỳnh Bá T là 46.915.250đ (bốn mươi sáu triệu chín trăm mười lăm ngàn hai trăm năm mươi đồng);

- Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T trả lại số tiền thu lợi bất chính cho Văn Bá V là 4.000.000đ (bốn triệu đồng);

- Trả lại cho chị Phạm Thị Kim N 01 điện thoại di dộng hiệu Iphone Xsmax;

- Tịch thu tiêu hủy của bị cáo Nguyễn Ngọc T 01 sim điện thoại số 0981011195.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và anh Huỳnh Bá T, anh Văn Bá V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Ngọc T không thi hành số tiền nêu trên thì bị cáo Nguyễn Ngọc T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

(Vật chứng đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/8/2022.)

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 16/8/2022). Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể, từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Q;
- Các cơ quan tiến hành tố tụng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Văn Sinh